

VỀ Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG, KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ NHỮNG THÀNH TỰU TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

Nguyễn Hồng Hải, Nguyễn Đề Thủy

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM

hainh@huflit.edu.vn

TÓM TẮT— Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có nhiều nội dung, trong đó phát huy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc là một trong những nội dung rất quan trọng của Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hiến dâng trọn cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc Việt Nam, di sản tư tưởng Người để lại có ý nghĩa lịch sử và thời đại sâu sắc, đến nay vẫn vẹn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn. Bài viết này đề cập đến những nội dung cơ bản về phát huy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và khái quát thành tựu nổi bật về tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, hoạt động ngoại thương và về hội nhập quốc tế, hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ sau thời kỳ đổi mới.

Từ khóa — Tự lực, tự cường, khát vọng, phồn vinh, hạnh phúc, phát triển kinh tế.

I. TÌM HIỂU CÁC KHÁI NIỆM VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG VÀ KHÁT VỌNG XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC

A. NỘI DUNG KHÁI NIỆM VỀ Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG, KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC

Ý chí tự lực, tự cường được hiểu là quyết tâm sắt đá, quyết đạt bằng được mục đích theo đuổi, tự mình làm lấy, tự làm mình mạnh lên trên cơ sở chỉ hướng tự giác lựa chọn mục đích và quyết định phương thức hợp lý nhất phù hợp với điều kiện lịch sử, tự nhiên để thực hiện mục tiêu. Ý chí tự lực, tự cường có trong mỗi con người, tổ chức, quốc gia. Ý chí tự lực, tự cường là một trong những yếu tố tư tưởng quan trọng tạo ra động lực, nguồn lực, sức mạnh nội sinh. Cùng với khát vọng phát triển, ý chí tự lực, tự cường thúc đẩy quyết tâm, biến quyết tâm thành hành động, hiện thực hóa các mục tiêu đặt ra. Trong phạm vi quốc gia, ý chí tự lực, tự cường là sự khơi dậy quyết tâm, nghị lực của cả một dân tộc, đẩy lên sức mạnh nội sinh, phát triển đất nước mạnh giàu lên bằng chính sức mạnh của mình.

Khát vọng là trạng thái mong muốn, đòi hỏi với một sức thôi thúc mạnh mẽ. Khát vọng như một dạng thức tích cực của thái độ con người đối với cuộc sống. *Khát vọng phát triển đất nước* phồn vinh, hạnh phúc là một trạng thái tinh thần, phản ánh sự ao ước, mong muốn đất nước giàu có, thịnh vượng, phát triển tốt đẹp, người dân hoàn toàn đạt được ý nguyện của mình. Khát vọng là nguồn động lực có sức mạnh vô biên trong mỗi con người, được thể hiện qua những hoạt động không nghỉ ngơi để con người không bao giờ từ bỏ ước mơ, không bao giờ khuất phục trước hoàn cảnh. Do vậy khát vọng góp phần tăng cường, củng cố ý chí tự lực, tự cường. Khát vọng phát triển của một dân tộc là sự cộng hưởng khát vọng vươn lên của cộng đồng, của con người cùng quốc gia, tạo thành nguồn năng lượng nội lực to lớn, tiềm tàng, có sức mạnh vô song và sống động cho toàn bộ công cuộc phát triển. Đó chính là động lực trung tâm của một quốc gia trên con đường đi tới tương lai.

Việt Nam là một dân tộc có truyền thống đoàn kết, văn hiến, anh hùng, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước là sức mạnh nội sinh phi thường, là cội nguồn của những kỳ tích trong tiến trình lịch sử hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước của dân tộc. Các nhân tố này thống nhất với nhau, thúc đẩy lẫn nhau. Ý chí và khát vọng sẽ tạo động lực, chuyển biến mong muốn thành quyết tâm, hành động vươn lên, phát triển phồn vinh, hạnh phúc.

B. BỐI CẢNH THỜI ĐẠI VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA PHẢI PHÁT HUY Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG, KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CỦA TOÀN DÂN TỘC

Lợi ích quốc gia, dân tộc là nhân tố quyết định để mỗi quốc gia dân tộc tham gia vào các mối quan hệ quốc tế, hội nhập quốc tế thành công trong bối cảnh thế giới phát triển phụ thuộc lẫn nhau. Ngoài tiềm lực kinh tế, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển của toàn dân tộc là chỗ dựa và điều kiện căn bản, cốt lõi để mở rộng quan hệ hợp tác, hội nhập quốc tế.

Thế giới ngày nay, đang tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ xung đột căng thẳng chính trị - những quốc gia hôm nay là bạn, là anh em, ngày mai có thể có biến cố - chưa kể cạnh tranh giữa các cường quốc ngày càng tăng, các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ngày càng lớn đã đòi hỏi Việt Nam phải luôn giữ vững độc lập, tự chủ, tự cường, khát vọng phát triển để bảo vệ vững chắc môi trường hòa bình, tận dụng cơ hội và hóa giải những thách thức đối với độc lập, hòa bình và phát triển của dân tộc. Chỉ có tự lực, tự cường mới có thể giúp dân tộc Việt Nam tạo dựng cơ đồ, vị thế quốc gia vững mạnh, giá trị tiếng nói được nâng cao và không phải e sợ hay phụ thuộc vào bất cứ cường quốc nào.

36 năm đổi mới vừa qua với nhiều thành tựu đã thể hiện một cách sinh động ý chí, khát vọng phát triển của dân tộc ta, là nền tảng quan trọng giúp chúng ta củng cố niềm tin, sự quyết tâm, nỗ lực, tiếp tục thúc đẩy con đường đi lên của dân tộc. Hơn lúc nào hết, cần phát huy mạnh mẽ chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, ý chí, khát vọng phát triển của toàn dân tộc làm động lực cho sự phát triển trong giai đoạn phát triển mới.

Tình hình thế giới tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường, vấn đề toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng cũng đang bị đe dọa bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, vấn đề cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt...; do vậy việc khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc sẽ tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước.

C. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG VÀ KHÁT VỌNG XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

a) Thứ nhất, về ý chí tự lực, tự cường

Ý chí tự lực, tự cường là không phụ thuộc vào lực lượng bên ngoài, có quan điểm độc lập trong quan hệ quốc tế. Hồ Chí Minh cho rằng, cách mạng ở các nước thuộc địa (trong đó có Việt Nam) hoàn toàn có thể chủ động giành thắng lợi, không phụ thuộc việc cách mạng ở chính quốc có thắng lợi hay không. Người nêu rõ quyết tâm, ý chí, phương pháp cách mạng, thể hiện sâu sắc quan điểm tự lực, tự cường trong đấu tranh cách mạng: “Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập” [1].

Ý chí tự lực, tự cường là phải nhận thức rõ sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Hồ Chí Minh khẳng định, nhân tố mang tính quyết định của cách mạng giải phóng dân tộc chính là sức mạnh của toàn dân tộc. Trong tác phẩm Đường cách mệnh (năm 1927), Người viết: “Chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh” [2]. Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” nhưng “phải củng cố tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân ta và nhân dân các nước bạn, nhân dân Pháp, nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới”. Người nhấn mạnh vấn đề có tính nguyên tắc: “Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã” [3].

Ý chí tự lực, tự cường là sự chủ động, chuẩn bị mọi mặt các điều kiện của cách mạng. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, điều kiện trước hết là phải có một Đảng cách mệnh, “để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam” [4]. Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua tại hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh đấu tranh giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc thực dân và chế độ phong kiến đã suy tàn, thực hiện mục tiêu chiến lược: “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”, “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” [5]. Sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, ngày 28/1/1941, Hồ Chí Minh trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Tại Hội nghị Trung ương 8, Người cùng Trung ương Đảng quyết định những vấn đề lớn của cách mạng như hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, xử lý đúng đắn đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, quyết tâm giành cho được độc lập dân tộc.

Ý chí tự lực, tự cường là đặc biệt chú trọng phát huy vai trò, sức mạnh của nhân dân. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, “nhân dân” là phạm trù cao quý nhất. Người nói: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [6]. Người khẳng định, dân khí mạnh thì binh lính nào, súng ống nào cũng không địch nổi; “Nếu lãnh đạo khéo thì việc gì khó khăn mấy và to lớn mấy, nhân dân cũng làm được” [7]. Trong Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa, Người nêu rõ: “Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!” [8]. Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước” [9]. Trong Lời kêu gọi “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã nêu rõ: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” [10].

Ý chí tự lực, tự cường là quyết tâm bảo vệ và giữ vững nền độc lập dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyết tâm bảo vệ và giữ vững độc lập dân tộc, “nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”, “không có gì quý hơn độc lập tự do”, thể hiện rất rõ khi Tổ quốc bị lâm nguy, khi dân tộc phải đương đầu với những kẻ thù có sức mạnh kinh tế, quân sự vào hàng cường quốc thế giới, chống lại âm mưu áp đặt chế độ áp bức, bóc lột của chủ

ngĩa để quốc thực dân. Ngay sau khi nền độc lập ra đời, đất nước ta đã phải chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến không thể tránh khỏi. Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” [11].

b) Thứ hai, về khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

Xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh, cường thịnh, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài. Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn xây dựng đất nước giàu mạnh, mang lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Tư tưởng của Người đã được nhấn mạnh tại Đại hội II của Đảng (1951): Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, phú cường. Người nhiều lần nhắc nhở: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” [12]. Người đặc biệt chú trọng việc nâng cao dân trí, phục vụ công cuộc xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh: “Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí”, [13]. Trước lúc đi xa, trong Di chúc, Người bày tỏ điều mong muốn cuối cùng, cũng là khát vọng tốt bậc: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới” [14].

Thực hiện khát vọng đất nước giàu mạnh, cường thịnh trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng chế độ mới, mưu cầu hạnh phúc, ấm no cho nhân dân. Hồ Chí Minh ngay từ khi ra đi tìm đường cứu nước đã mang khát vọng lớn lao: Độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào. Người khẳng định: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” [15]. Cả cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh hiến dâng trọn vẹn cho cách mạng, chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân.

Xây dựng nền tảng kinh tế vững chắc, thực hiện một cách có kế hoạch với sự đồng lòng của Chính phủ và người dân. Hiện thực khát vọng đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là phải xây dựng chế độ chính trị dân chủ, tiến bộ, thật sự vì dân, xây dựng đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội văn minh, tiến bộ với những giá trị đạo đức tốt đẹp. Muốn vậy, phải xây dựng nền tảng kinh tế vững chắc, có kế hoạch thực hiện với sự đồng lòng của Chính phủ và người dân. Ngay trong phiên họp đầu tiên của Ủy ban ngày 10/1/1946, Hồ Chí Minh phát biểu mong muốn mọi người đem tài năng trí thức để làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, có học hành.

Phát huy tối đa nội lực dân tộc, tranh thủ ngoại lực, có chính sách mở cửa, thu hút đầu tư nước ngoài. Vấn đề nội lực dân tộc là một điểm quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người chỉ rõ “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Hồ Chí Minh cho rằng, việc mở cửa, hợp tác quốc tế không chỉ nhằm mục đích nhận được sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế, mà thông qua đó thu hút ngoại lực, thu hút đầu tư, tạo ra những điều kiện phát huy tiềm năng của đất nước, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân.

Luôn xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của đất nước, vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn để đưa ra những quan điểm, chủ trương phù hợp; không giáo điều, máy móc trong học tập kinh nghiệm của nước khác. Theo Hồ Chí Minh, xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Việt Nam phải có cách làm, bước đi và biện pháp thích hợp. “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội” [16].

Chiến thắng lịch sử ngày 30/4/1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đã khẳng định sự thắng lợi của ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm bảo vệ và giữ vững nền độc lập dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Việt Nam từ một nước nông nghiệp, lạc hậu, nghèo nàn lại trải qua cuộc chiến tranh tàn khốc kéo dài, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo Đảng và nhân dân ta tự lực, tự cường, cần cù, sáng tạo, tranh thủ sự hỗ trợ giúp đỡ của bạn bè trên thế giới, với những hình thức, bước đi thích hợp, vượt qua muôn vàn gian khó đã không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tiếp theo việc thực hiện những tư tưởng của Người, Đảng và nhân dân ta tiến hành công cuộc đổi mới suốt hơn 36 năm qua đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, có thể nói đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

II. KHÁI QUÁT NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

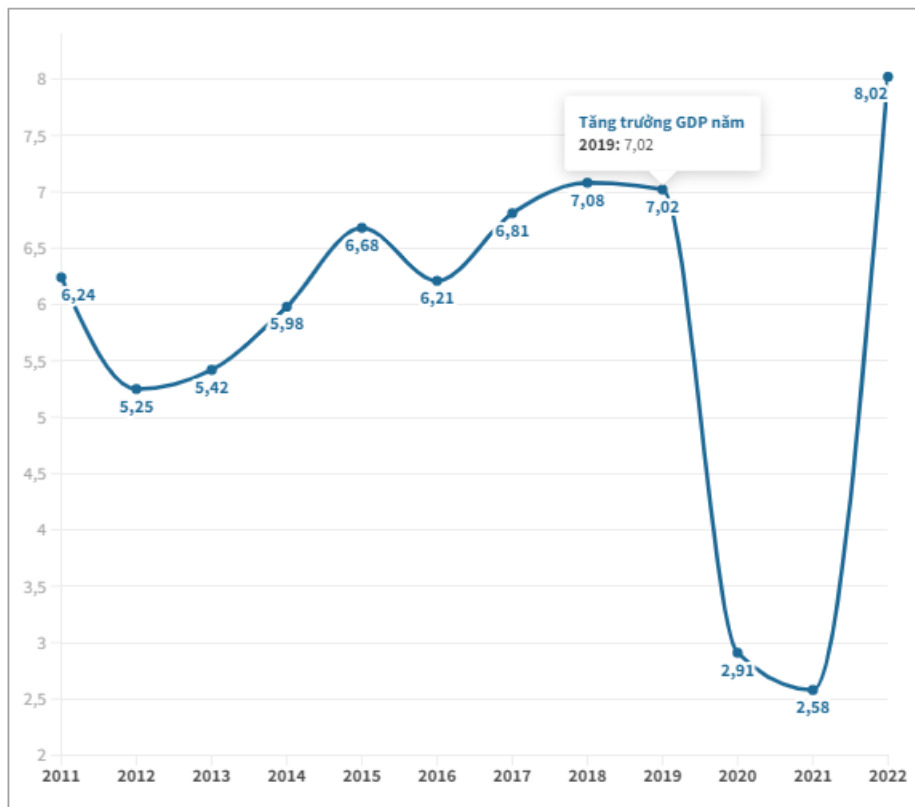
A. VỀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Năm 1986 Việt Nam bắt đầu tiến hành đổi mới trong bối cảnh lương thực, thực phẩm thiếu, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, đời sống nhân dân rất khó khăn, đến năm 1996 đã chấm dứt khủng hoảng kinh tế-xã hội. Năm 2008, ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành quốc gia có thu nhập trung bình. Nếu trong giai đoạn đầu của đổi mới (1986-1990), mức tăng trưởng GDP bình quân hàng năm chỉ đạt 4,4% thì đến giai đoạn 1991-1995, GDP bình quân đã tăng gấp đôi, đạt 8,2%/năm; các giai đoạn sau đó đều có mức tăng trưởng khá cao; giai đoạn 2016 -2019 đạt mức bình quân 6,8%. Trong năm 2021, mặc dù nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nhưng tốc độ tăng GDP của Việt Nam vẫn tăng 2,58% trong khi có nhiều nước tăng trưởng âm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực, thế giới. Kinh tế Việt Nam năm 2022 không bị suy

thoái trong đại dịch và phục hồi, tăng trưởng mạnh mẽ đã khẳng định được nội lực và khả năng chống chịu khá tốt của nền kinh tế, ước tính đạt mức tăng trưởng 8,02%, đây là mức cao nhất trong vòng 11 năm trở lại đây.

Theo dự báo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), GDP Việt Nam được xếp thứ 5 trong năm 2022 và thứ 3 năm 2023 trong khu vực ASEAN. Theo dự báo được công bố vào tháng 10/2022 của IMF, năm 2022, quy mô GDP của Indonesia dẫn đầu trong khu vực ASEAN, đạt khoảng 1.290 tỷ USD. Xếp sau Indonesia là Thái Lan với 534,76 tỷ USD. Cùng với đó, Malaysia, Singapore, Việt Nam và Philippines có quy mô GDP đạt lần lượt là 434,06 tỷ USD; 423,63 tỷ USD; 413,81 tỷ USD và 401,66 tỷ USD, [19].

GDP GIAI ĐOẠN 2011-2022 (%)



Hình 1. Theo dự báo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)

B. VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một trong những nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của một quốc gia, vai trò của vốn đầu tư nước ngoài đối với phát triển kinh tế-xã hội nước ta đã được thực tiễn minh chứng. Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ra đời năm 1987 và bắt đầu thực hiện từ năm 1988 đã thể chế hóa đường lối của Đảng, góp phần thực hiện chủ trương phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế.

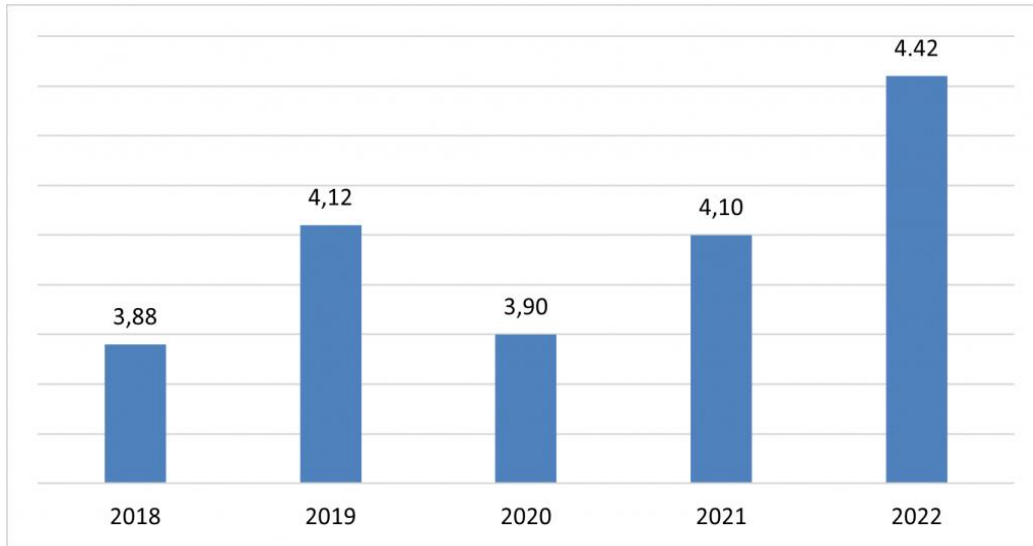
Thời kỳ 1988-1990 mới chỉ là thời kỳ khởi động, FDI chưa tác động rõ rệt đến tình hình kinh tế-xã hội nước ta. Thời kỳ 1991-1997 đã diễn ra làn sóng FDI lần thứ nhất, vốn thực hiện trung bình của một dự án là 6,28 triệu USD; thời kỳ 1998-2004 là thời kỳ suy thoái của FDI, do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực (1997-1998) vốn thực hiện trung bình của một dự án chỉ còn 4,5 triệu USD. Thời kỳ 2005-2007 đã diễn ra làn sóng FDI lần thứ hai, vốn thực hiện trung bình của một dự án tăng lên là 5,77 triệu USD; thời kỳ từ 2009 đến nay do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới (2008-2009) đã làm cho nguồn vốn FDI toàn cầu bị thu hẹp, đã ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam những năm sau đó, phải từ năm 2012 mới bắt đầu có dấu hiệu hồi phục.

Giai đoạn 1988-2018, Việt Nam thu hút được 27.849 dự án FDI. Riêng giai đoạn 2007-2018, tổng vốn FDI thu hút được là 335.861,6 triệu USD tăng cao so với giai đoạn 1988 - 2006.

Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam năm 2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020. Có 1738 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong năm 2021 với tổng vốn đăng ký đạt trên 15,2 tỷ USD, tăng 4,1% về giá trị so với năm 2020. Về vốn đăng ký điều chỉnh, có 985

lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 9,01 tỷ USD, tăng 40,5% so với năm 2020. Ngoài ra, tại Việt Nam đã hình thành các vùng kinh tế trọng điểm để làm động lực cho phát triển kinh tế vùng, miền và cả nước; phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung nhằm thu hút vốn đầu tư phát triển, đồng thời hình thành các vùng chuyên môn hóa cây trồng, vật nuôi gắn với chế biến công nghiệp. Nhìn chung, các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước phát triển mạnh mẽ. Các số liệu trên cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài đã coi Việt Nam là điểm đến đầu tư an toàn, thể hiện niềm tin về môi trường đầu tư kinh doanh, tiếp tục mở rộng đầu tư tại Việt Nam, khi Việt Nam kiểm soát tốt dịch Covid-19, nền kinh tế phục hồi và tăng trưởng trở lại trong trạng thái bình thường mới.

Vốn FDI thực hiện tại Việt Nam 3 tháng đầu năm 2022 ước tính đạt 4,42 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức cao nhất của quý I trong 5 năm qua.



Hình 2. Vốn FDI thực hiện 3 tháng đầu năm các năm 2018 - 2022 (Tỷ USD). Nguồn: Tổng cục Thống kê

Mặc dù cơ hội đón vốn FDI là rất lớn nhưng cuộc cạnh tranh thu hút đầu tư FDI đang ngày càng quyết liệt nhất là trong bối cảnh nguồn cung vốn hạn chế và ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, các quốc gia đều tranh thủ thu hút nguồn lực bên ngoài để duy trì và phục hồi nền kinh tế. Do đó, cạnh tranh thu hút FDI giữa các quốc gia đang phát triển có sự tương đồng về thị trường, trình độ phát triển, công nghệ và lao động đang ngày càng gay gắt. Vì vậy, trong thời gian tới, Việt Nam cần tập trung tìm ra các biện pháp có thể phát triển các ngành dịch vụ theo chiều sâu, tạo thêm động lực tốt cho việc tăng năng suất khu vực dịch vụ lẫn khu vực sản xuất kinh doanh cùng nhiều lĩnh vực khác của nền kinh tế. Bên cạnh đó, Việt Nam cần chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cần thiết để thu hút đầu tư như rà soát, bổ sung quỹ đất sạch, rà soát lại quy hoạch điện, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bổ sung chính sách để phát triển công nghiệp hỗ trợ, xây dựng các quy định, tiêu chuẩn như một bộ lọc mới nhằm lựa chọn các nhà đầu tư FDI có công nghệ tiên tiến, có khả năng chống chịu sức ép từ bên ngoài để phát triển bền vững và bảo đảm an ninh quốc gia.

C. VỀ HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG

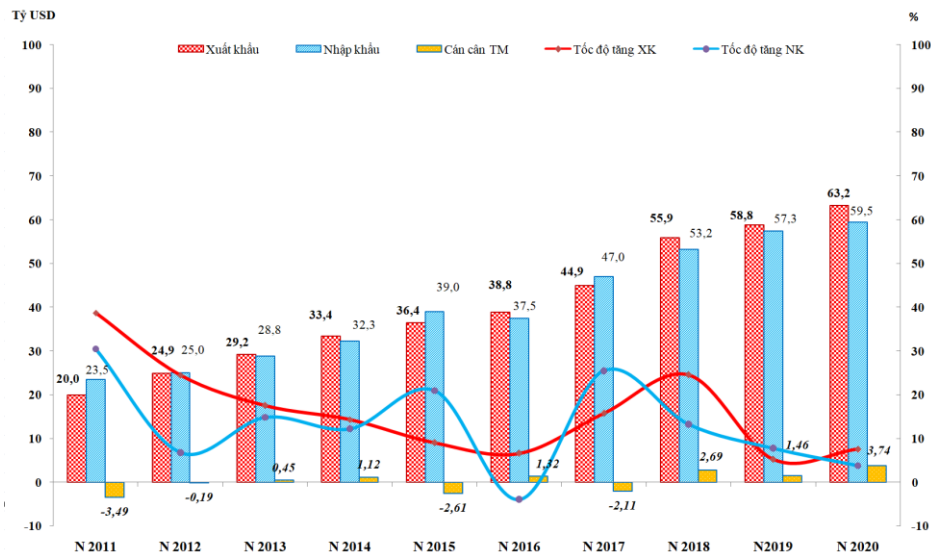
Việt Nam, từ chỗ thiếu ăn, đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng nông sản, như cà phê, gạo, hạt điều, rau quả, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ... luôn duy trì ở mức cao. Các mặt hàng xuất khẩu khác cũng có bước tiến lớn qua thời gian.

Trong giai đoạn 1986-1990, Việt Nam đã chuyển từ một nền thương nghiệp bao cấp, tự cung tự cấp, một giá, hoạt động ngoại thương chủ yếu đối với các nước xã hội chủ nghĩa sang nền kinh tế đa dạng hóa, đa phương hóa với các nước trên thế giới và đã đạt được những thành tựu to lớn. Phát triển ngoại thương trong giai đoạn này theo xu hướng “mở cửa” từng bước gắn liền với thị trường quốc tế trên nguyên tắc bảo đảm độc lập, chủ quyền dân tộc, an ninh quốc gia và cùng có lợi.

Từ năm 1991 đến nay, theo xu hướng đẩy mạnh kim ngạch xuất khẩu trong tất cả các khu vực kinh tế, các nhóm hàng vào nhiều nước và khối khác nhau, thu hẹp dần khoảng cách giữa tỷ trọng giá trị kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu, tiến đến cân bằng cán cân thương mại và xuất siêu. Từ giai đoạn 1986-2011, Việt Nam gần như luôn nhập siêu, chỉ khác nhau về kim ngạch tuyệt đối và tỷ lệ nhập siêu so với xuất khẩu. Năm 2012, Việt Nam đã vượt qua Braxin để trở thành nước xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới, và vượt qua Thái Lan trong xuất khẩu gạo, mặc dù thu nhập từ xuất khẩu hàng hóa cơ bản có phần giảm sút do đơn giá thấp hơn, năm 2012 Việt Nam xuất siêu 284 triệu USD và là năm đầu tiên Việt Nam xuất siêu kể từ năm 1993. Năm 2015, xuất, nhập khẩu Việt Nam cán mốc trị giá 300 tỷ USD, năm 2017 tổng trị giá xuất nhập khẩu đã đạt mức 400 tỷ USD. Sau

đó mỗi hai năm tổng trị giá xuất nhập khẩu của Việt Nam tăng thêm 100 tỷ USD. Có thể thấy, kết quả hoạt động tích cực trong lĩnh vực ngoại thương và duy trì dòng kiều hối mạnh đã giúp cho Việt Nam đảo ngược cán cân thanh toán quốc tế. Điều này cũng giúp cải thiện tình trạng cán cân thanh toán tổng thể, tăng cường nguồn dự trữ ngoại hối và giảm bớt áp lực đối với tỉ giá hối đoái.

Đặc biệt, trong bối cảnh bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 khiến hoạt động ngoại thương thế giới suy giảm, thì tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2020 vẫn đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm 2019; xuất siêu 19,1 tỷ USD - cao nhất trong 5 năm liên tiếp xuất siêu kể từ năm 2016. Với kim ngạch xuất nhập khẩu ấn tượng đã đưa Việt Nam xếp thứ 22 thế giới về quy mô kim ngạch và năng lực xuất khẩu, đứng thứ 26 về quy mô thương mại quốc tế.



Hình 3. Kim ngạch, tốc độ tăng xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại trong 3 tháng đầu năm, giai đoạn 2011-2020

(Nguồn: Tổng cục Hải quan)

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020, trong đó xuất khẩu tăng 19%, nhập khẩu tăng 26,5% xuất siêu 3,32 tỷ USD. Năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm trước. Đây là con số kỷ lục trong nhiều năm trở lại đây. Trong đó xuất khẩu tăng 10,6%, nhập khẩu tăng 8,4%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2022 ước tính xuất siêu 11,2 tỷ USD, là năm thứ 7 liên tiếp xuất siêu.

D. VỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Hội nhập quốc tế sâu rộng, vị thế quốc tế ngày càng được nâng cao, đến nay, Việt Nam đã thiết lập được nhiều quan hệ đối tác chiến lược về kinh tế; tích cực xây dựng Cộng đồng ASEAN 2015 và hoàn thiện thị trường trong nước đầy đủ hơn theo cam kết WTO. Đã có 71 quốc gia công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam.

Từ khi gia nhập WTO đến nay, Việt Nam đã ký kết 15 FTA khu vực và song phương và đang đàm phán 2 FTA với các đối tác khác. Các FTA mà Việt Nam tham gia có độ phủ rộng hầu hết các châu lục với gần 60 nền kinh tế có tổng GDP chiếm gần 90% GDP thế giới, trong đó có 15 nước thành viên G20 và 9/10 đối tác kinh tế-thương mại lớn nhất của Việt Nam thuộc 3 trung tâm kinh tế lớn nhất thế giới là Bắc Mỹ, Tây Âu và Đông Á. Do đó, việc tham gia và thực thi các FTA sẽ mang lại những cơ hội lớn cho Việt Nam, tác động tích cực tới phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm...

Việt Nam cũng là thành viên chủ động, tích cực và có trách nhiệm cao trong các tổ chức quốc tế. Việt Nam đã tham gia vào Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC), các tổ chức của Liên Hợp Quốc... đóng góp tích cực và đang trở thành nước có vị thế và vai trò ngày càng cao ở khu vực, được cộng đồng quốc tế tôn trọng. Bên cạnh đó, Việt Nam đã được tin nhiệm bầu vào các cơ quan quan trọng của Liên Hợp Quốc, như: Hội đồng Nhân quyền nhiệm kỳ 2014-2016, Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO nhiệm kỳ 2013-2017, Hội đồng kinh tế-xã hội của Liên Hợp Quốc (ECOSOC) nhiệm kỳ 2016-2018.

Năm 2020, Việt Nam cùng lúc đảm nhận 3 trọng trách: Ủy viên không Thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, Chủ tịch ASEAN và Chủ tịch AIPA. Trong bối cảnh vô cùng khó khăn của đại dịch Covid-19 và những thiệt

hại nặng nề do thiên tai bão lũ, Việt Nam đã hoàn thành tốt cả ba trọng trách, góp phần nâng cao uy tín, vị thế Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Năm 2021, mặc dù dịch bệnh COVID-19 vẫn có những diễn biến phức tạp trên toàn cầu, song các hoạt động đối ngoại đa phương và song phương của Việt Nam vẫn được tiến hành liên tục. Tiêu biểu là sự kiện Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng điện đàm với lãnh đạo các nước, tiếp nhiều đoàn khách quốc tế; Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc thăm Liên bang Nga, Cuba, Campuchia; Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính thăm Nhật Bản, tham dự Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 38, 39 và các hội nghị cấp cao liên quan; tham dự Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (COP26) và tiếp xúc song phương với nguyên thủ các quốc gia, thăm làm việc Vương quốc Anh, thăm chính thức nước Cộng hòa Pháp; Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ thăm Châu Âu, Hàn Quốc, Ấn Độ...

Năm 2021, hội nghị Đối ngoại toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là hội nghị toàn quốc đầu tiên do Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp chỉ đạo tổ chức để bàn về công tác đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân và của cả hệ thống chính trị. Việt Nam đã chủ động và tích cực tham gia vào công việc chung của các tổ chức quốc tế lớn; đóng góp thực chất vào quá trình thương lượng, tìm giải pháp, đáp ứng mối quan tâm chung của cộng đồng quốc tế, được các nước đánh giá cao, thể hiện tầm vóc và vị thế quốc tế ngày càng cao của nước ta.

Năm 2022 Việt Nam đã kiểm soát được đại dịch và mở cửa trở lại các hoạt động kinh tế, xã hội và giao lưu quốc tế. Theo đó, chúng ta đã triển khai hàng loạt hoạt động đối ngoại quan trọng của lãnh đạo cấp cao và các cấp. Đáng chú ý là các chuyến thăm như Thủ tướng thăm Mỹ, Campuchia, châu Âu, dự hội nghị cấp cao Asean và Asean với Mỹ, Eu, các đối tác; Chủ tịch nước thăm một số nước trong khu vực châu Á, Singapore, Hàn Quốc, Indonesia, dự APEC... và đặc biệt là chuyến thăm chính thức Trung Quốc của Tổng Bí thư vào cuối tháng 10 vừa qua. Nhiều đoàn cấp cao của các nước và đối tác từ các khu vực khác nhau cũng đã đến Việt Nam, như Australia, Malaysia, New Zealand, Ấn độ, Đức, Nigeria, Uganda... cùng Tổng Thư ký Liên hợp quốc. Bên cạnh đó là các cuộc tiếp xúc bên lề hội nghị cấp cao đa phương khu vực và thế giới.

III. KẾT LUẬN

Những thành tựu của hơn 36 năm thực hiện công cuộc đổi mới đã tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Ý chí tự lực, tự cường và khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc là sự vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay, khát vọng chính đáng đó ngày càng dần trở thành hiện thực đối với dân tộc Việt Nam, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong công cuộc đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ sự nghiệp đổi mới đất nước, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 1, tr.209.
- [2] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 2, tr.283.
- [3] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 2, tr.320.
- [4] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 2, tr.289.
- [5] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 3, tr.1.
- [6] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 10, tr.453.
- [7] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 12, tr.492.
- [8] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 3, tr.596.
- [9] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 4, tr.534.
- [10] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 15, tr.131.
- [11] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 4, tr.534.
- [12] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 4, tr.64.
- [13] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 4, tr.40.
- [14] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 15, tr.624.
- [15] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 4, tr.187.
- [16] Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 10, tr.391.
- [17] Nguyễn Xuân Phúc (2021), Tỏa sáng tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, khơi dậy và thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.
- [18] Tổng cục Thống kê (1988, 1991, 1995, 2000, 2010, 2015, 2021), Niên giám thống kê.

AT PRESIDENT HO CHI MINH'S WILL FOR SELF-HELP, SELF-RELIANCE AND ASPIRATION TO DEVELOP THE ACHIEVEMENTS VIETNAM'S ECONOMY

Nguyen Hong Hai, Nguyen De Thuy

ABSTRACT— Ho Chi Minh's thought, morality and lifestyle contain various important aspects, promoting the will to self-help for self-improvement and aspiration to build up a prosperous and happy country. President Ho Chi Minh has devoted all his life to the revolutionary cause of the Communist Party and for the Vietnamese people, the ideological legacy he left has a profound historical and epochal significance both in theory and practice even until now. In this article, the author mentions the basic contents of promoting the will to self-help for self-improvement and aspiration to develop a prosperous and happy country according to Ho Chi Minh's ideology, morality, and lifestyle. The outstanding achievements of Vietnam in economic growth, foreign direct investment, foreign trade, international integration, and foreign activities in renovation.

Keywords: self-help for self-improvement, aspiration, prosperity, happiness, economic development.



Nguyễn Hồng Hải: Tốt nghiệp cử nhân ngành Kinh tế chính trị năm 1984 tại trường Đại học Tổng hợp TP.HCM. Thạc sỹ kinh tế năm 1999 tại trường Khoa xã hội và nhân văn Hà Nội. Tiến sỹ kinh tế năm 2009 tại trường Đại học Kinh tế TP.HCM; từng là giảng viên Trường Đại học An ninh nhân dân TP.HCM, Trường Đại học Nông lâm TP.HCM.

Từ năm 2011 đến nay là giảng viên, trưởng khoa Lý luận chính trị của Trường Đại học Ngoại ngữ-Tin học TP.HCM.



Nguyễn Đê Thủy: Tốt nghiệp cử nhân ngành Kinh tế chính trị năm 1984 tại trường Đại học Tổng hợp TP.HCM. Thạc sỹ kinh tế năm 1999 tại trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội; từng là giảng viên, Phó trưởng khoa, Khoa học ứng dụng Trường Đại học Bách khoa TP.HCM. Từ năm 2018 đến nay là giảng viên cơ hữu tại

Trường Đại học Ngoại ngữ- Tin học TP.HCM.